TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2020/QĐST-HNGĐ	Yên Mô, ngày 26 tháng 05 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2020 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Đức D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Kho K1-CTK-QK4 số 225, đường NT, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn**: Chị Trương Thị Minh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm 4, ĐS, xã YM, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 05 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 05 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Đức D và chị Trương Thị Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cho anh Lê Đức D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháuinh ngày 08/02/2010; chị Trương Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Kim Th, sinh ngày 27/08/2012. Anh D và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Lê Đức D và chị Trương Thị Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo

dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Anh Lê Đức D và chị Trương Thị Minh T thống nhất thỏa thuận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn: Anh Lê Đức D nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002245 ngày 04/05/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, anh Lê Đức D còn được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện Yên Mô;
- THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Mạc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Phạm Diệu Oanh
(ĐÃ KÝ)